

Elijah - Số Bốn

Chế độ nô lệ

Jeff Pippenger

2023-10-01

Lời chứng của Êlia bắt đầu khi ông tuyên bố rằng sẽ không có mưa trong ba năm rưỡi, trừ theo lời ông.

Ê-li, người Thít-bi, thuộc số dân cư Ga-la-át, nói với A-háp rằng: Như Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, hằng sống, trước mặt Ngài tôi đứng, trong mấy năm nay sẽ không có sương cũng không có mưa, trừ khi tôi nói. 1 Các Vua 17:1.

Ba năm rưỡi đó tượng trưng cho lịch sử của Thyatira từ năm 538 đến năm 1798. Năm 1798, vào cuối thời kỳ hạn hán, Elijah gọi Ahab đến Carmel. Sứ điệp của thiên sứ thứ nhất công bố giờ phán xét của Đức Chúa Trời vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Sứ điệp của thiên sứ thứ nhất là mệnh lệnh cho Ahab triệu tập toàn thể Israel đến Carmel.

Và xảy ra rằng, khi Ahab thấy Elijah, Ahab nói với ông: Có phải ngươi là kẻ làm rối loạn Israel chăng? Ông đáp: Ta không làm rối loạn Israel; nhưng chính ngươi và nhà cha ngươi đã làm, vì các ngươi đã bỏ các điều răn của Chúa, và ngươi đã theo Baalim. Vậy bây giờ hãy sai người đi, nhóm họp cho ta toàn thể Israel lên núi Carmel, cùng với bốn trăm năm mươi tiên tri của Baal, và bốn trăm tiên tri của các lùm cây, là những kẻ ăn tại bàn của Jezebel. Thế là Ahab sai đến khắp con cái Israel, và nhóm các tiên tri lại tại núi Carmel. Và Elijah đến gần toàn dân và nói: Các ngươi còn lưỡng lự giữa hai ý kiến đến bao giờ? Nếu Chúa là Đức Chúa Trời, hãy theo Ngài; còn nếu Baal, thì hãy theo nó. Nhưng dân chúng không đáp với ông một lời nào. 1 Các Vua 18:17-21.

Cả Israel đã nhóm họp tại núi Cạt-mên vào thời Ê-li, và điều đó lại tượng trưng cho lịch sử của William Miller khi ba hội thánh trong Khải Huyền chương ba được nhóm lại với nhau. Hội thánh vốn trước kia đã trốn vào đồng vắng năm 538 để tránh sự bắt bớ của Giê-sa-bên—điều được tượng trưng bởi hội thánh Thyatira—đã ra khỏi đồng vắng như thế hệ sẽ phải đối diện với sứ điệp của Ê-li, được đại diện bởi William Miller. Bây giờ con thú từ đất mở miệng và nuốt trọn dòng lũ bách hại đã tràn đến chống lại hội thánh suốt một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

Và đất đã giúp người đàn bà, đất đã mở miệng ra và nuốt dòng nước lũ mà con rồng đã phun ra từ miệng nó. Khải Huyền 12:16.

Theo lời tiên tri, "sự lên tiếng của một quốc gia" là hành động của các cơ quan lập pháp và tư pháp của quốc gia đó, và vào năm 1789, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã ban hành văn kiện thiêng liêng là Hiến pháp Hoa Kỳ, qua đó bảo vệ các quyền và tự do cần thiết để che chở khỏi sự bách hại từ cả các vua châu Âu lẫn Giáo hội Công giáo bội đạo.

"Tiếng nói của quốc gia là hành động của các cơ quan lập pháp và tư pháp của nó." Cuộc Đại Tranh Cãi, 443.

Vào năm 1789, ngay trước khi vai trò tiên tri của Hoa Kỳ với tư cách vương quốc thứ sáu theo lời tiên tri Kinh Thánh bắt đầu, nó nói như một chiên con, nhưng đến khi có luật Chủ nhật, nó sẽ nói như rồng.

Và tôi thấy một con thú khác từ đất lên; nó có hai sừng như chiên con, và nói như rồng. Khải Huyền 13:11.

Sự khởi đầu và kết thúc của con thú từ đất được đánh dấu bởi việc nó cất tiếng nói. Năm 1798, Ahab triệu tập toàn thể Israel lên núi Carmel, nơi Elijah sẽ đưa ra một phép thử để chứng tỏ cho những người chứng kiến biết liệu Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ hay thần của Jezebel mới là Đức Chúa Trời chân thật. Jezebel có bốn trăm năm mươi tiên tri của Baal và bốn trăm tiên tri của lùm cây. Thần giả Baal là một nam thần và thần giả Ashtaroth là một nữ thần.

Hai hạng tiên tri giả ấy tượng trưng cho sự liên minh giữa giáo hội và nhà nước, vì trong lời tiên tri, khi một người nam và một người nữ được trình bày cùng nhau, người nữ tượng trưng cho giáo hội còn người nam tượng trưng cho nhà nước. Elijah bị áp đảo 850 chọi 1 khi ông đối đầu với sự liên minh bất thánh giữa giáo hội và nhà nước, được thể hiện qua các tà thần nữ và nam cũng như qua cuộc hôn nhân của Ahab và Jezebel. Hình ảnh về giáo hội và nhà nước qua Ahab và Jezebel tượng trưng cho sự bại hoại của chiếc sừng thuộc chủ nghĩa cộng hòa, và Baal cùng Ashtaroth tượng trưng cho sự bại hoại của chiếc sừng Tin Lành.

Vấn đề là sự phản kháng của Ê-li chống lại tôn giáo bại hoại được Thi-a-ti-ra trong Khải Huyền chương hai đại diện. Ê-li đại diện cho một người Kháng Cách, vì định nghĩa duy nhất của Kháng Cách là người phản đối Rô-ma. Sự phản kháng của Ê-li tượng trưng cho sự phản đối việc kết hợp giáo hội và nhà nước, được thực hiện bởi liên minh ô uế giữa một nhà nước bại hoại và một giáo hội bại hoại.

Tuy nhiên, Ta có vài điều trách ngươi: vì ngươi cho phép người đàn bà Jezebel, kẻ tự xưng là nữ tiên tri, dạy dỗ và quyến dụ các tôi tớ Ta phạm tà dâm, và ăn những vật đã cúng tế cho hình tượng. Ta đã cho nàng thời gian để ăn năn về sự tà dâm của mình; nhưng nàng không ăn năn. Kia, Ta sẽ ném nàng vào giường, và những kẻ ngoại tình với nàng vào hoạn nạn lớn, trừ khi họ ăn năn về những việc làm của mình. Khải Huyền 2:20-22.

Việc ăn tượng trưng cho thông điệp bạn chấp nhận, còn một thông điệp được hiến tế cho hình tượng thì tượng trưng cho các giáo lý của Công giáo, chính là biểu tượng của sự thờ hình tượng đáng ghê tởm. Dân sự của Đức Chúa Trời trong Thời kỳ Tăm Tối đã chấp nhận nhiều giáo lý ngoại giáo của Công giáo, đặc biệt là sự thờ phượng mặt trời.

Tà dâm là một mối quan hệ bất hợp pháp và, theo ý nghĩa tiên tri, biểu thị đúng bản chất của điều mà Hiến pháp cấm đoán: sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước. Ahab đã có một mối quan hệ bất chính với Jezebel, vì là vua Israel ông không được phép cưới một công chúa ngoại giáo. Jesus xác định John the Baptist là Elijah, và John cũng đối diện với cùng mối quan hệ ô uế ấy khi ông quở trách Herod vì cưới Herodias, vợ của anh/em trai ông ta.

Vì Hê-rôt đã bắt Giảng, trói lại và tống giam vì có Hê-rô-đi-a, vợ của người anh em ông là Phi-líp. Vì Giảng đã nói với ông: “Ông không được phép lấy bà ấy.” Ma-thi-ơ 14:3, 4.

Cuộc đối đầu của Ê-li với A-háp và Giê-xê-bên là hình bóng cho cuộc đối đầu của Giảng với Hê-rôt và Hê-rô-đia, vì cả hai mỗi quan hệ đều tượng trưng cho một liên minh bất hợp pháp giữa giáo hội và nhà nước. Cùng nhau, chúng trình bày sứ điệp Ê-li của một trăm bốn mươi bốn nghìn, những người đối đầu với chế độ giáo hoàng (Giê-xê-bên và Hê-rô-đia), mười vua tượng trưng cho Liên Hiệp Quốc (A-háp và Hê-rôt), và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, đại diện cho tiên tri giả (các tiên tri giả ở Cạt-mên và Sa-lô-mê, con gái của Hê-rô-đia).

Bối cảnh tiên tri tại Carmel bao gồm việc Elijah bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ, vốn ghi nhận nguyên tắc tách biệt giữa giáo hội và nhà nước.

Và khi Ahab thấy Ê-li, Ahab nói với ông: “Có phải ngươi là kẻ gây rối cho Israel không?” Ông đáp: “Tôi không gây rối cho Israel; mà chính ngươi và nhà cha ngươi, vì các ngươi đã bỏ các điều răn của Chúa, và ngươi đã theo các Baal.” 1 Các Vua 18:17, 18.

Hiến pháp đã quy định rằng hai sừng của chủ nghĩa cộng hòa và Tin Lành sẽ luôn tách biệt với nhau. Nhưng Sách Khải Huyền chỉ ra rằng khi Hoa Kỳ rút cuộc nói như rồng, điều đó sẽ xảy ra khi các giáo hội bội đạo ở Hoa Kỳ giành quyền kiểm soát và liên kết với chính quyền bội đạo.

Nhưng “ảnh tượng cho con thú” là gì? Và nó sẽ được hình thành như thế nào? Ảnh tượng ấy do con thú có hai sừng làm ra, và là một ảnh tượng cho con thú. Nó cũng được gọi là ảnh tượng của con thú. Vậy để biết ảnh tượng ấy như thế nào và nó sẽ được hình thành ra sao, chúng ta phải nghiên cứu các đặc điểm của chính con thú ấy—tức là giáo hoàng quyền.

Khi Hội thánh buổi đầu bị bại hoại vì rời bỏ sự đơn sơ của Phúc Âm và chấp nhận các nghi lễ cùng phong tục ngoại giáo, Hội thánh đánh mất Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời; và để kiểm soát lương tâm của dân chúng, Hội thánh tìm kiếm sự hậu thuẫn của thế quyền. Kết quả là chế độ giáo hoàng, một giáo hội nắm quyền lực của nhà nước và sử dụng nó để phục vụ các mục đích riêng của mình, đặc biệt là để trừng phạt “dị giáo”. Để Hoa Kỳ có thể tạo nên hình tượng của con thú, quyền lực tôn giáo phải kiểm soát chính quyền dân sự đến mức mà uy quyền của nhà nước cũng sẽ được giáo hội sử dụng nhằm thực hiện các mục đích riêng của mình. *The Great Controversy*, 443.

Ê-li trên núi Cạt-mên đại diện cho công cuộc của phong trào Millerite, và phong trào Millerite được xác lập như nhà tiên tri chân thật, đối lập với những người gần đây đã thoát khỏi ảnh hưởng của Công giáo nhưng, do khước từ ánh sáng của thiên sứ thứ nhất, đã chọn quay trở lại La Mã. Vì vậy, sứ điệp của thiên sứ thứ hai vào mùa xuân năm 1844 bao gồm việc xác định các hệ phái Tin Lành là những con gái của Ba-by-lôn, và xem phong trào Millerite là chiếc sừng Tin Lành đích thực.

Khi Đức Chúa Trời đưa dân Israel xưa ra khỏi cảnh nô lệ ở Ai Cập và dẫn họ băng qua Biển Đỏ, Ngài đã khởi xướng một tiến trình thử thách từng bước, bắt đầu bằng sự thử thách với ma-na từ trời.

"Ánh sáng tích lũy của các thời đại đã qua đang chiếu rọi trên chúng ta. Bản ghi chép về sự quên lãng của dân Israel đã được lưu giữ để soi sáng cho chúng ta. Trong thời đại này, Đức Chúa Trời đã ra tay tập hợp cho chính Ngài một dân từ mọi quốc gia, dòng dõi và ngôn ngữ.

Trong phong trào Tái Lâm, Ngài đã hành động vì cơ nghiệp của Ngài, cũng như Ngài đã hành động cho dân Israel khi dẫn họ ra khỏi Ai Cập. Trong cơn đại thất vọng năm 1844, đức tin của dân Ngài đã được thử thách như đức tin của người Hê-bơ-ơ tại Biển Đỏ." Testimonies, tập 8, 115, 116.

Nỗi thất vọng vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 đã dẫn đến sự hiểu biết về đền thánh trên trời, điều này sau đó đặt ra thử thách về ngày Sa-bát, cũng như thử thách về ma-na đã trở thành thử thách đầu tiên trong chuỗi mười thử thách dành cho dân Y-sơ-ra-ên cổ đại.

Chúa đã ban cho tôi khái tượng sau đây vào năm 1847, khi các anh em nhóm họp vào ngày Sa-bát, tại Topsham, Maine.

Chúng tôi cảm nhận một tinh thần cầu nguyện khác thường. Và khi chúng tôi cầu nguyện, Đức Thánh Linh giáng trên chúng tôi. Chúng tôi rất vui mừng. Chẳng bao lâu, tôi không còn để ý đến những điều thuộc về trần gian và đắm chìm trong một khái tượng về vinh quang của Đức Chúa Trời. Tôi thấy một thiên sứ bay nhanh đến với tôi. Thiên sứ ấy mau chóng đưa tôi từ trần gian đến Thành Thánh. Trong thành, tôi thấy một đền thờ và tôi bước vào. Tôi đi qua một cánh cửa trước khi tới bức màn thứ nhất. Bức màn ấy được vén lên, và tôi bước vào Nơi Thánh. Tại đó tôi thấy bàn thờ xông hương, chân đèn bảy ngọn, và chiếc bàn trên đó có các bánh trần thiết. Sau khi chiêm ngưỡng vinh quang của Nơi Thánh, Chúa Giê-su vén bức màn thứ hai và tôi bước vào Nơi Chí Thánh.

"Trong nơi chí thánh tôi thấy một hòm bia; trên nắp và các mặt bên của nó là vàng ròng tinh khiết. Ở mỗi đầu hòm bia có một ché-ru-bin đẹp đẽ, với đôi cánh xò ra che phủ bên trên. Mặt chúng quay vào nhau và nhìn xuống. Giữa các thiên sứ có một lư hương bằng vàng. Phía trên hòm bia, nơi các thiên sứ đứng, có một vinh quang cực kỳ sáng chói, trông như một ngai nơi Đức Chúa Trời ngự. Đức Chúa Jê-sus đứng bên hòm bia, và khi lời cầu nguyện của các thánh đồ dâng lên Ngài, hương trong lư bốc khói, và Ngài dâng những lời cầu nguyện của họ cùng với làn khói hương lên Cha Ngài. Trong hòm bia có bình vàng đựng ma-na, cây gậy của A-rôn đã trở bông, và các bảng đá gập lại như một quyển sách. Đức Chúa Jê-sus mở chúng ra, và tôi thấy Mười Điều Răn được viết trên đó bằng ngón tay của Đức Chúa Trời. Trên một bảng có bốn điều, và trên bảng kia có sáu điều. Bốn điều trên bảng thứ nhất sáng hơn sáu điều kia. Nhưng điều thứ tư, điều răn về ngày Sa-bát, sáng chói hơn hết thảy; vì ngày Sa-bát được biệt riêng ra để được giữ nhằm tôn kính danh thánh của Đức Chúa Trời. Ngày Sa-bát thánh trông vinh hiển - một vàng hào quang vinh hiển bao quanh nó. Tôi thấy rằng điều răn về ngày Sa-bát không bị đóng đinh vào thập tự giá. Nếu như thế, thì chín điều răn còn lại cũng vậy; và như vậy chúng ta được phép phạm tất cả, cũng như phạm điều thứ tư. Tôi thấy rằng Đức Chúa Trời không thay đổi ngày Sa-bát, vì Ngài chẳng hề thay đổi. Nhưng giáo hoàng đã đổi nó từ ngày thứ bảy sang ngày thứ nhất trong tuần; vì ông ta sẽ đổi thay thời kỳ và luật pháp." Những Bài Viết Sớm, 32.

Khi những người Tin Lành bước ra khỏi Thời Kỳ Tăm Tối vào năm 1798 và sách Đa-ni-ên được mở ấn, vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh, tức con thú từ đất có hai sừng trong Khải Huyền 13, bắt đầu cuộc hành trình của nó xuyên qua lịch sử tiên tri. Phong trào Kháng Cách được xây dựng trên văn kiện thiêng liêng gọi là Kinh Thánh, và chủ nghĩa cộng hòa được xây dựng trên văn kiện thiêng liêng gọi là Hiến pháp. Đức Chúa Trời đã đưa Hội Thánh trong đồng vắng của

Ngài ra khỏi Thời Kỳ Tăm Tối, nhưng cũng như với Y-sơ-ra-ên xưa trong thời kỳ nô lệ Ai Cập, điều răn về ngày Sa-bát đã bị quên lãng. Khi Y-sơ-ra-ên băng qua Biển Đỏ trên đường đến chỗ ban luật pháp tại Si-na-i, thì Y-sơ-ra-ên hiện đại vượt Đại Tây Dương trên hành trình đến ngày 22 tháng 10 năm 1844, nơi luật pháp sẽ một lần nữa được bày tỏ. Chúa một lần nữa đang dấy lên một dân sự sẽ là những người được ủy thác giữ gìn luật pháp của Ngài, những người được ủy thác giữ gìn các khái niệm tiên tri của Ngài và sẽ mang lấy sứ mệnh của Phong trào Kháng Cách. Y-sơ-ra-ên xưa được ban cho hai bảng của Mười Điều Răn như biểu tượng cho công tác của họ là những người lưu giữ luật pháp của Ngài, và Y-sơ-ra-ên hiện đại được ban cho hai bảng theo sách Ha-ba-cúc như biểu tượng cho công tác của họ với tư cách là những người lưu giữ Lời tiên tri của Ngài.

Y-sơ-ra-ên hiện đại phải mang theo cả hai bộ, mỗi bộ gồm hai bảng, khi trình bày sứ điệp của thiên sứ thứ ba cho thế giới, tức là sứ điệp được rao truyền bởi những người mang lấy trọng trách của Phong trào Tin Lành. Phong trào Tin Lành bước ra từ Thời kỳ Tăm Tối khi ấy còn chưa trọn vẹn, giống như Y-sơ-ra-ên xưa khi họ băng qua Biển Đỏ. Phong trào Tin Lành đã tuyên xưng khẩu hiệu Kinh Thánh và chỉ Kinh Thánh, nhưng có sự hiểu biết chưa trọn về Lời Đức Chúa Trời sau nhiều thế kỷ ăn nuốt các giáo lý ngoại giáo của Công giáo La Mã (những vật hiến tế cho hình tượng). Đức Chúa Trời định rằng một người Tin Lành chân chính sẽ đại diện cho toàn bộ Lời của Đức Chúa Trời, được biểu tượng bởi “Luật pháp và các Tiên tri,” tức hai bộ hai bảng tượng trưng cho cả công việc của dân sự Đức Chúa Trời lẫn bản tính của Đức Chúa Trời. Công tác của thiên sứ thứ nhất là tạo nên một dân sự Tin Lành chân thật, vừa là những người được ủy thác giữ gìn luật pháp của Ngài, vừa là những người được ủy thác giữ gìn Lời tiên tri của Ngài.

Đức Chúa Trời đã kêu gọi Hội Thánh của Ngài trong thời nay, như Ngài đã kêu gọi Y-sơ-ra-ên xưa, để đứng làm ánh sáng trên đất. Bằng chiếc dao phay quyền năng của lẽ thật, tức là các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, Ngài đã tách họ khỏi các giáo hội và khỏi thế gian để đưa họ vào sự gần gũi thánh khiết với chính Ngài. Ngài đã khiến họ trở thành những người giữ luật pháp của Ngài và đã giao phó cho họ những lẽ thật vĩ đại của lời tiên tri cho thời kỳ này. Cũng như những thánh ngôn đã được giao phó cho Y-sơ-ra-ên xưa, những điều ấy là một sự ủy thác thánh để được truyền đạt cho thế gian. Ba thiên sứ trong Khải Huyền 14 đại diện cho những người chấp nhận ánh sáng của các sứ điệp của Đức Chúa Trời và ra đi như các đại diện của Ngài để cất tiếng cảnh báo khắp bờ cõi trái đất. Lời Chứng, tập 5, 455.

Lời cảnh cáo mà những người đã được xác định là những người được ủy thác giữ gìn hai bộ, mỗi bộ gồm hai bảng, phải rao ra, là chống lại việc nhận lấy dấu ấn của Công giáo. Sự phản kháng ấy nhằm chống lại mối quan hệ bất chính giữa Ahab và Jezebel và đã được Elijah minh họa trên núi Carmel. Việc ban cho hai bảng đá tại núi Sinai là hình bóng cho việc ban cho hai bảng bằng vải của Habakkuk trong lịch sử từ năm 1842 đến 1849. Hai bảng của Habakkuk là biểu tượng của mối quan hệ giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân Tin Lành của Ngài. Khước từ những bảng ấy cũng giống như Israel cổ đại khước từ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Những người theo phong trào Miller đã bước vào Nơi Chí Thánh và tiếp nhận ánh sáng của ngày Sa-bát, nhưng quá trình thử thách vẫn chưa kết thúc. Đồng thời, sừng của chủ nghĩa cộng hòa cũng đang tiến qua chính dòng lịch sử ấy. Và cả hai chiếc sừng sẽ đạt đến một cột mốc trong bước tiến cùng nhau vào năm 1863.

Thông điệp Ê-li của Miller đã tạo ra một quá trình thanh luyện diễn tiến, nhằm mục đích thiết lập sừng Tin Lành; và trong cùng lịch sử ấy, sừng Cộng hòa đã gắn liền với một tiến trình phát triển chính trị từng bước. Cả hai sừng đều ở trên cùng một con thú từ đất, nên chúng phải đồng hành với nhau xuyên suốt toàn bộ lịch sử của con thú từ đất.

Đặc điểm tiên tri đầu tiên của sừng Cộng hòa của con thú từ đất là hành động tuyên bố Hiến pháp có hiệu lực vào năm 1789. Năm 1798 (thời kỳ cuối cùng khi sách Đa-ni-ên được mở ấn), con thú từ đất sẽ cất tiếng lần đầu tiên với tư cách là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh. Năm 1798 đánh dấu sự khởi đầu của Hoa Kỳ với tư cách là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh, và việc cất tiếng xảy ra vào buổi đầu lịch sử của con thú từ đất năm 1798 sẽ làm tiền hình cho lần cuối cùng vương quốc thứ sáu sẽ cất tiếng; thời điểm ấy được trình bày như tiếng nói của con rồng. Khi chúng ta xem xét các đạo luật do sừng Cộng hòa thông qua tại Hoa Kỳ vào năm 1798, chúng ta nên kỳ vọng thấy một sự tiền hình của các đạo luật sẽ được ban hành cùng với luật Chủ nhật khi Hoa Kỳ nói như một con rồng. Khi xem xét bốn đạo luật dưới đây, hãy tự hỏi liệu bốn đạo luật được thông qua vào năm 1798 có mang dấu ấn tiên tri của Anpha và Ômêga hay không?

Năm 1798, Hoa Kỳ đã thông qua một số đạo luật quan trọng gọi chung là các Đạo luật Ngoại kiều và Chống Nổi loạn. Các đạo luật này gồm bốn luật do Quốc hội do Đảng Liên bang kiểm soát thông qua và được Tổng thống John Adams, tổng thống thứ hai của Hoa Kỳ và trước đó là phó tổng thống của George Washington, ký thành luật.

Đạo luật Nhập tịch: Đạo luật này kéo dài yêu cầu về thời hạn cư trú đối với người nhập cư để trở thành công dân Hoa Kỳ từ 5 lên 14 năm. Nó chủ yếu nhằm hạn chế ảnh hưởng của những người mới nhập cư, những người thường ủng hộ đảng đối lập, Đảng Dân chủ-Cộng hòa.

Đạo luật Bận hữu Ngoại kiều: Đạo luật này trao quyền cho tổng thống trục xuất những người không phải công dân bị coi là mối đe dọa đối với an ninh của Hoa Kỳ trong thời bình. Nó cho phép tổng thống giam giữ và trục xuất bất kỳ người không phải công dân nào mà tổng thống cho là nguy hiểm.

Đạo luật Kẻ thù Ngoại quốc: Đạo luật này quy định về việc bắt giữ, giam giữ và trục xuất các công dân của các quốc gia đang ở trong tình trạng chiến tranh với Hoa Kỳ. Nó được ban hành như một biện pháp phòng ngừa trong bầu không khí căng thẳng vào cuối thập niên 1790.

Đạo luật Chống Nổi loạn: Đây là đạo luật gây tranh cãi nhất trong các Đạo luật Ngoại kiều và Chống Nổi loạn. Đạo luật này biến việc công bố các bài viết “sai sự thật, tai tiếng và ác ý” nhằm vào chính phủ hoặc các quan chức của chính phủ thành tội hình sự, với mục đích bôi nhọ họ hoặc làm họ mất uy tín. Những người chỉ trích coi đây là một cuộc tấn công trực tiếp vào quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Đạo luật Ngoại kiều và Chống Nổi loạn gây tranh cãi gay gắt và dẫn đến sự phản đối mạnh mẽ từ Đảng Dân chủ-Cộng hòa, những người tin rằng các luật này vi phạm các quyền hiến định cơ bản và nhắm vào đảng chính trị của họ. Họ lập luận rằng các luật này xâm phạm Tu chính án thứ Nhất, vốn bảo vệ quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Cuối cùng, các đạo luật này đã đóng vai trò

trong cuộc bầu cử năm 1800, khi Thomas Jefferson và Đảng Dân chủ-Cộng hòa giành chức tổng thống và quyền kiểm soát Quốc hội, dẫn đến việc bãi bỏ Đạo luật Chống Nổi loạn.

Đảng Dân chủ-Cộng hòa cho rằng các đạo luật này vi phạm những quyền cơ bản được Hiến pháp bảo vệ, và họ cũng tin rằng các đạo luật ấy nhằm vào đảng chính trị đối lập. Việc các đạo luật này bị bãi bỏ hoặc về sau hết hiệu lực không quan trọng; Alpha và Omega minh họa điểm kết thúc ngay từ khởi đầu. Trong giai đoạn lịch sử khi các đạo luật này được ban hành hoặc được "nói" thành luật, Đảng Liên bang bị một đảng mang tên Dân chủ-Cộng hòa chống đối. Sự phát triển của Đảng Dân chủ-Cộng hòa cuối cùng dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng hòa. Một đảng chính trị chủ yếu được tập hợp lại dựa trên lập trường chống chế độ nô lệ.

Các nhà sử học xác định năm 1863 chính là tâm điểm của cuộc Nội chiến, một cuộc chiến xoay quanh vấn đề nô lệ. Năm 1863 cũng là một cột mốc đối với những người cầm cờ mới của sừng Tin Lành, những người khi đó đã bác bỏ lời tiên tri về thời gian đầu tiên được các thiên sứ ban cho Miller (lời tiên tri "bảy lần" từ Lê-vi Ký chương hai mươi sáu). Liệu có phải chỉ là một sự trùng hợp đơn thuần rằng lời tiên tri về bảy lần lại tình cờ dựa trên các luật lệ về nô lệ được nêu ra trong chương trước của Lê-vi Ký? "Lời nguyện" được xác định bởi "bảy lần" là lời hứa rằng nếu các luật lệ của giao ước ở chương hai mươi lăm bị bất tuân, thì Y-sơ-ra-ên sẽ kết thúc lịch sử của mình bằng cách quay trở lại ách nô lệ mà họ đã được đưa ra khỏi khi bắt đầu cuộc hành trình tại Biển Đỏ.

Từ năm 1798 đến năm 1863, đảng chính trị gọi là Đảng Dân chủ-Cộng hòa đã trải qua một loạt các cuộc thanh trừng hoặc các cuộc chấn động. Từ năm 1798 trở đi, và đặc biệt là từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 cho đến năm 1863, phong trào Millerite đã trải qua một loạt các cuộc thanh trừng và các cuộc chấn động.

Đảng Dân chủ-Cộng hòa, một trong những đảng phái chính trị đầu tiên ở Hoa Kỳ, đã không trực tiếp chuyển hóa thành Đảng Cộng hòa hiện đại như ngày nay. Thay vào đó, nó đã trải qua một loạt thay đổi và chia tách theo thời gian, cuối cùng dẫn đến sự hình thành của một số đảng chính trị khác nhau trước khi Đảng Cộng hòa xuất hiện.

Đảng Dân chủ-Cộng hòa, thường gắn liền với Thomas Jefferson và James Madison, được thành lập vào cuối thế kỷ 18 như một phản ứng trước Đảng Liên bang. Những người Dân chủ-Cộng hòa ủng hộ cách diễn giải nghiêm ngặt Hiến pháp, quyền của các bang và lợi ích nông nghiệp.

Tuy nhiên, đến thập niên 1820, Đảng Dân chủ-Cộng hòa bắt đầu rạn nứt theo các tuyến khu vực và ý thức hệ. Sự chia rẽ chính diễn ra trong Thời kỳ Hòa thuận (1817-1825), khi thiếu vắng sự đối lập mạnh mẽ đối với nhiệm kỳ tổng thống của James Monroe. Giai đoạn yên bình về chính trị này đã góp phần vào sự suy yếu của Đảng Dân chủ-Cộng hòa. Cuối cùng, đảng chia tách thành nhiều phe phái và phát triển thành các nhóm chính trị sau:

Đảng Dân chủ: Những người ủng hộ Andrew Jackson, người trở thành tổng thống thứ bảy vào năm 1829, đã thành lập Đảng Dân chủ. Những người Dân chủ theo Jackson ủng hộ một nhánh hành pháp mạnh, việc mở rộng về phía tây và quyền bầu cử rộng rãi hơn cho nam giới da trắng.

Đảng Cộng hòa Quốc gia: Đảng này ra đời như một phản ứng trước nhiệm kỳ tổng thống của Andrew Jackson và sau đó hợp nhất với các phe phái chống Jackson khác để trở thành Đảng Whig. Nhìn chung, những người Cộng hòa Quốc gia tỏ ra ủng hộ một chính phủ liên bang mạnh và phát triển kinh tế ở mức độ cao hơn.

Đảng Chống Tam Điểm: Đây là một đảng chính trị tồn tại trong thời gian ngắn, xuất hiện vào thập niên 1820, chủ yếu là phản ứng trước những lo ngại về ảnh hưởng của hội kín Tam Điểm. Đảng này đã thu hút một số cựu thành viên của Đảng Dân chủ-Cộng hòa.

Đảng Whig: Được thành lập vào thập niên 1830, Đảng Whig bao gồm các cựu thành viên Đảng Cộng hòa Quốc gia, những người chống Hội Tam điểm và các nhóm đối lập khác. Họ nổi bật bởi việc phản đối các chính sách của Jackson, ủng hộ một chính phủ liên bang mạnh và thúc đẩy phát triển công nghiệp và kinh tế.

Đảng Cộng hòa hiện đại được thành lập vào những năm 1850 như một phản ứng trực tiếp trước những căng thẳng khu vực ngày càng gia tăng xoay quanh chế độ nô lệ. Đảng này thu hút các cựu thành viên đảng Whig, các đảng viên Dân chủ chống nô lệ, những người của Đảng Free Soil, và những người khác phản đối việc mở rộng chế độ nô lệ vào các lãnh thổ mới. Ứng viên tổng thống đầu tiên của Đảng Cộng hòa, John C. Fremont, tranh cử trong cuộc bầu cử năm 1856, và ứng viên đầu tiên của đảng giành chiến thắng, Abraham Lincoln, đã đắc cử năm 1860. Vì vậy, Đảng Cộng hòa ra đời tách biệt khỏi truyền thống Dân chủ-Cộng hòa và có một con đường phát triển riêng trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ.

Đến năm 1860, Đảng Cộng hòa đã đắc cử vị tổng thống đầu tiên của mình. Đảng này dựa trên một liên minh các đảng phái chính trị phản đối chế độ nô lệ. Năm 1863, Tuyên ngôn Giải phóng Nô lệ đã "lên tiếng" xóa bỏ chế độ nô lệ. Cũng trong năm 1863, sùng Cộng hòa, khi ấy được đại diện bởi Đảng Cộng hòa, đã "lên tiếng" xóa bỏ chế độ nô lệ, trong khi sùng Kháng Cách chấm dứt tồn tại như một phong trào và trở thành Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Phong trào Millerite về mặt pháp lý và chính thức đã chấm dứt vào tháng Năm năm 1863, và trong năm đó, lời thề của Môi-se, lời tiên tri về chế độ nô lệ, đã bị bác bỏ. Ai có tai, hãy nghe.

Lúc này, có lẽ sẽ hữu ích nếu đưa ra một tổng quan ngắn gọn về “lời thề của Moses”, theo cách gọi của nhà tiên tri Daniel.

Phải, cả Y-sơ-ra-ên đều đã phạm luật pháp của Ngài, đã quay lưng lia bỏ, không vâng theo tiếng Ngài; vì vậy sự rủa sả đã đổ trên chúng con, và lời thề đã chép trong luật pháp của Môi-se, tội tớ của Đức Chúa Trời, vì chúng con đã phạm tội cùng Ngài. Đa-ni-ên 9:11.

William Miller, khi nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời, được Gabriel và các thiên sứ khác hướng dẫn, trước hết được dẫn đến “bảy lần” trong Lê-vi Ký đoạn 26. Lời chứng của Miller là rằng trong việc nghiên cứu Kinh Thánh, ông bắt đầu từ sách Sáng Thế Ký; vì vậy hiển nhiên ông đã đến Lê-vi Ký từ lâu trước khi ông đạt đến “hai nghìn ba trăm năm” trong Đa-ni-ên đoạn 8 câu 14. Ông chỉ sử dụng Kinh Thánh và một cuốn sách tra cứu của Cruden.

Bảng tra cứu của Cruden không có dẫn chiếu đến các từ tiếng Hê-bơ-rơ hoặc tiếng Hy Lạp mà sau đó được dịch sang tiếng Anh của Kinh Thánh King James. Miller xem "ngữ cảnh" của đoạn văn

mà ông đang nghiên cứu như yếu tố định hướng cách ông hiểu một từ hay một đoạn Kinh Thánh. Khi bàn đến cách ông hiểu về "bảy lần", thật đơn giản để thấy rằng ngữ cảnh cho "bảy lần" ở chương hai mươi sáu của Leviticus là chương hai mươi lăm.

Chương hai mươi lăm trình bày về sự nghỉ ngơi của đất đai, Năm Hân Hỉ và các quy tắc của chế độ nô lệ. Các luật lệ của chương hai mươi lăm là một phần của “luật pháp của Môi-se, tôi tớ của Đức Chúa Trời” đem lại phước lành nếu vâng theo và “lời nguyện” nếu không vâng theo. Trong chương hai mươi sáu, lời nguyện của “bảy lần” tương đương với hai nghìn năm trăm hai mươi năm và được trình bày trong bối cảnh hiển nhiên của các quy tắc về sự nghỉ ngơi của đất đai và các nguyên tắc của chế độ nô lệ. Trong chương hai mươi sáu, hình phạt được gọi là “cuộc tranh chấp của giao ước ta.”

Vậy Ta cũng sẽ nghịch lại các ngươi và sẽ phạt các ngươi thêm bảy lần vì tội lỗi của các ngươi. Ta sẽ đem gươm đến trên các ngươi để báo thù việc phá vỡ giao ước của Ta; và khi các ngươi nhóm lại trong các thành của mình, Ta sẽ sai dịch bệnh ở giữa các ngươi; và các ngươi sẽ bị phó vào tay kẻ thù. Lê-vi Ký 26:24, 25.

Trong bối cảnh này, “giao ước” mà Đức Chúa Trời có “sự tranh chấp” là giao ước đã được nhắc đến trước đó trong chương hai mươi lăm. Sự trừng phạt bảy lần được gọi là “sự tranh chấp của” “giao ước” Đức Chúa Trời, và “lời nguyện” gắn liền với điều đó là Israel sẽ bị “phó vào tay” các kẻ thù của họ; và khi đã ở trong đất của kẻ thù (như Daniel), Israel sẽ trở thành nô lệ của kẻ thù mình.

Khi Môi-se ghi chép Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu, Y-sơ-ra-ên cổ đại vừa được giải cứu khỏi ách nô lệ Ai Cập, và các nguyên tắc về nô lệ được trình bày ở đoạn hai mươi lăm sẽ mang lại hoặc phước lành hoặc lời nguyện. Dân Y-sơ-ra-ên xưa chưa từng thực hành các luật lệ về Năm Hân Hỉ, và cuối cùng cả vương quốc miền bắc lẫn miền nam đều bị tán lạc trong “bảy lần,” để ứng nghiệm điều Đa-ni-ên gọi là “lời nguyện của Môi-se.”

Mối quan hệ giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân Y-sơ-ra-ên, vốn bắt đầu từ thời họ làm nô lệ ở Ai Cập, đã kết thúc với cảnh họ làm nô lệ cho A-si-ri và Ba-by-lôn. "Bảy lần" đối với vương quốc miền bắc kết thúc vào năm 1798, và "bảy lần" đối với vương quốc miền nam kết thúc vào năm 1844. Điểm khởi đầu cho hai giai đoạn "bảy lần" được đánh dấu trong Ê-sai chương bảy bằng một lời tiên tri về sáu mươi lăm năm mà Ê-sai đã công bố cho vua A-cha của Giu-đa vào năm 742 TCN.

Vì đầu của Sy-ri là Đa-mách, và đầu của Đa-mách là Rê-xin; và trong vòng sáu mươi lăm năm, Êp-ra-im sẽ bị bẻ gãy đến nỗi không còn là một dân. Và đầu của Êp-ra-im là Sa-ma-ri, và đầu của Sa-ma-ri là con trai của Rê-ma-lia. Nếu các ngươi không tin, chắc chắn các ngươi sẽ không đứng vững. Ê-sai 7:8, 9.

Isaiah đã xác định rằng “trong vòng” sáu mươi lăm năm kể từ khi lời tiên tri được đưa ra vào năm 742 TCN, vương quốc phía bắc sẽ bị tan vỡ. Mười chín năm sau, vào năm 723 TCN, vương quốc phía bắc của Israel bị vua Assyria bắt làm nô lệ, và bốn mươi sáu năm sau, vào năm 677 TCN, vua Babylon đưa vương quốc phía nam Giu-đa vào cảnh nô lệ. Lời tiên tri về sáu mươi lăm năm này tạo ra sáu mốc lịch sử. Mốc thứ nhất là năm 742 TCN, khi lời tiên tri được đưa ra. Mười chín năm

sau, vào năm 723 TCN, vương quốc phía bắc bị người Assyria bắt làm nô lệ. Bốn mươi sáu năm sau, vào năm 677 TCN, vương quốc phía nam bị người Babylon bắt làm nô lệ. Giai đoạn 2.520 năm thứ nhất bắt đầu từ năm 723 TCN kết thúc vào năm 1798. Rồi đến năm 1844, giai đoạn 2.520 năm bắt đầu từ năm 677 TCN được hoàn tất. Từ năm 1844, lời tiên tri kéo dài thêm mười chín năm đến 1863 để hoàn chỉnh toàn bộ cấu trúc tiên tri, vì khi Alpha và Omega đã đánh dấu mười chín năm để khởi đầu cấu trúc tiên tri thì cũng phải có mười chín năm để đạt đến điểm kết thúc.

Israel cổ đại đã được giải thoát khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, nhưng vì sự bất tuân, cả vương quốc phía bắc lẫn phía nam đều bị đưa trở lại ách nô lệ. Các lời tiên tri chuyển từ lịch sử tiên tri của Israel cổ đại theo nghĩa đen sang Israel thuộc linh thời hiện đại, và qua đó, chủ đề của mọi mốc dấu tiên tri là nô lệ.

Lời tiên tri trong Ê-sai đoạn 7 đã được Ê-sai trình bày cho vua gian ác Ahaz vào năm 742 TCN, khi một cuộc nội chiến sắp xảy ra giữa miền bắc và miền nam đang được nhận diện. Vương quốc miền nam của Ahaz là đất vinh hiển theo nghĩa đen của Israel cổ đại. Năm 1798, đất vinh hiển thuộc linh trong lời tiên tri Kinh Thánh bắt đầu cai trị như vương quốc thứ sáu của lời tiên tri Kinh Thánh. Khi bảy lần chống lại đất vinh hiển theo nghĩa đen kết thúc vào năm 1844, đã có, như trong lịch sử của vua Ahaz, một cuộc nội chiến sắp xảy ra. Đến năm 1844, sự hỗn loạn do các đảng phái chính trị tan rã và lập liên minh đã gần như lắng xuống, kết lại thành hai nhóm khuynh hướng chính trị. Về vấn đề nô lệ, Đảng Dân chủ ủng hộ chế độ nô lệ, còn Đảng Cộng hòa phản đối chế độ nô lệ. Từ năm 1798 đến khi nội chiến bắt đầu vào năm 1860, quá trình hình thành hai nhóm đảng phái chính trị đã được định hình.

Ahaz đại diện cho đất vinh hiển theo nghĩa đen, và vì vậy tiêu biểu cho đất vinh hiển thuộc linh. Lịch sử của Ahaz là hình bóng cho lịch sử tiên tri, trong đó lời tiên tri được công bố vào năm 742 TCN; vì thế, nó cũng tiêu biểu cho lịch sử khi lời tiên tri kết thúc. Trong lịch sử ban đầu, vương quốc phương bắc gồm mười chi phái đã tách khỏi hai chi phái còn lại để phản đối chính quyền của hai chi phái phương nam do Đức Chúa Trời thiết lập. Mười chi phái phương bắc đã lập liên minh với Syria, tiêu biểu cho liên minh giữa khối liên minh phương nam và một quyền lực được Syria đại diện một cách biểu tượng.

Bản tóm lược ngắn này cho thấy rằng “bảy lần” trong Lê-vi Ký 26 là một lời hứa giao ước, quy định hoặc là phước lành cho sự vâng phục, hoặc là “lời nguyền” của ách nô lệ vì sự bất tuân. Hai vương quốc miền Bắc và miền Nam khởi đầu cùng nhau như một dân tộc đã được giải phóng khỏi ách nô lệ, nhưng rồi khi lần lượt kết thúc, mỗi vương quốc lại bị đưa trở lại ách nô lệ.

Sáu mươi lăm năm ở phần kết của những lời tiên tri về ách nô lệ đã khép lại với Israel thuộc linh ở trong xứ vinh hiển thuộc linh, ở ngay trung tâm của một cuộc nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam. Bên đối địch trong cuộc nội chiến là một vương quốc đã lập nên một liên minh và ly khai khỏi chính quyền do Thượng Đế thiết lập, vốn đặt tại vương quốc đối nghịch.

Từ năm 1798 cho đến cuộc nội chiến, chiếc kèn của chủ nghĩa Cộng hòa đã được đưa qua một quá trình tạo ra hai hạng đối thủ chính trị đại diện cho hai phía của các vấn đề về chế độ nô lệ. Những đối thủ ủng hộ chế độ nô lệ, những người tìm cách tiếp tục thực hành chế độ nô lệ, đã thua trận.

Từ năm 1798 cho đến cuộc nội chiến, sùng của đạo Tin Lành đã trải qua một quá trình, qua đó hình thành hai nhóm những người đối kháng tôn giáo đại diện cho hai phía trong vấn đề nô lệ. Phe ủng hộ chế độ nô lệ, vốn tìm cách duy trì cách hiểu ban đầu về lời tiên tri về chế độ nô lệ, đã thua cuộc.

Năm 1863, tiếng kèn của chủ nghĩa Cộng hòa đã thành công trong việc bác bỏ chế độ nô lệ.

Vào năm 1863, chiếc sùng của đạo Tin Lành đã thành công bác bỏ lời tiên tri về chế độ nô lệ.

Khi làm như vậy, họ đã bác bỏ công việc của Miller, Ê-li của thời ông. Khi làm như vậy, họ cũng đã bác bỏ "lời thề của Môi-se", viên đá nền tảng cho thời của họ. Môi-se và Ê-li khi ấy đã bị bác bỏ, để rồi trở lại vào ngày 11 tháng 9 năm 2001.

Alpha và Omega, nhà ngôn ngữ kỳ diệu, đã ghi dấu ấn thiêng liêng của Ngài xuyên suốt lời tiên tri về thời gian của "lời thề của Môi-se", mà chính Ngài đã tự xưng là Palmoni, Đấng Đếm Kỳ Diệu. Nếu các người không tin, chắc chắn các người sẽ không đứng vững.